

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Thiết kế xây dựng mô hình CSA chuyên canh rau an toàn tại xã
Tượng Sơn - huyện Thạch Hà - tỉnh Hà Tĩnh (phần Nông nghiệp)**

Dự án thành phần: Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh

Dự án: Cải thiện Nông nghiệp có tưới (WB7).

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI NAM HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Hiệp định tín dụng số 5352-VN ngày 24/4/2014 giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA) cho dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7);

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2409/QĐ-BNN-HTQT ngày 18/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) dự án “Cải thiện nông nghiệp có tưới” do WB tài trợ (WB7);

Căn cứ Sổ tay thực hiện Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới theo Quyết định số 3016/QĐ-BNN-HTQT ngày 20/12/2013 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về hướng dẫn thực hiện dự án Cải thiện Nông nghiệp có tưới.

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-BNN-XD ngày 03/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7);

Căn cứ Công văn số 776/BNN-TT ngày 27/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Điều chỉnh mô hình CSA thuộc hợp phần 3 dự án WB7;

Căn cứ thư không phản đối ngày 20/10/2016 của Ngân hàng thế giới (WB) đối với Báo cáo Xây dựng mô hình CSA chuyên canh rau an toàn tại xã Tượng Sơn - huyện Thạch Hà - tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Công văn số 2265/TT-WB7 ngày 30/11/2016 của Cục Trồng trọt về việc góp ý kiến về kế hoạch thực hiện mô hình CSA chuyên canh rau an toàn tại xã Tượng Sơn, huyện Thạch Hà, dự án thành phần WB7 tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ văn bản góp ý của Tổ công tác tham mưu giúp Giám đốc Sở, Chủ đầu tư trong việc quản lý thực hiện Hợp phần 3 ngày 20/4/2016.

Căn cứ Hồ sơ thiết kế Xây dựng mô hình CSA chuyên canh rau an toàn tại xã Tượng Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh do đơn vị tư vấn là Liên danh Trung tâm chuyển giao công nghệ & Khuyến nông và Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi Hà Tĩnh lập.

Căn cứ Kết quả Thẩm tra số 02/TT-DA-WB7 ngày 08/02/2017 của Tổ công tác tham mưu giúp Giám đốc Sở, Chủ đầu tư trong việc quản lý thực hiện Hợp phần 3 - Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới, tỉnh Hà Tĩnh thuộc Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7);

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định ngày 11./02/2017 của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh.

Xét đề nghị của Ban quản lý dự án Cải thiện Nông nghiệp có tưới Kẽ Gõ - Sông Rác, Hà Tĩnh tại Tờ trình số 22/TTR-DA ngày 09/02/2017 về việc Đề nghị thẩm định, phê duyệt Thiết kế xây dựng mô hình CSA chuyên canh rau an toàn tại xã Tượng Sơn - huyện Thạch Hà - tỉnh Hà Tĩnh (phần Nông nghiệp) - Dự án thành phần: Cải thiện Nông nghiệp có tưới, tỉnh Hà Tĩnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Thiết kế xây dựng mô hình CSA chuyên canh rau an toàn tại xã Tượng Sơn - huyện Thạch Hà - tỉnh Hà Tĩnh (phần Nông nghiệp) - Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh thuộc Dự án Cải thiện Nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7), gồm những nội dung sau:

1. Nội dung chính Thiết kế xây dựng mô hình CSA chuyên canh rau an toàn tại xã Tượng Sơn - huyện Thạch Hà - tỉnh Hà Tĩnh (phần Nông nghiệp), bao gồm:

1.1. Xây dựng Cơ sở hạ tầng:

Phần hồ sơ thiết kế xây dựng cơ sở hạ tầng nội đồng sẽ do Cục Quản lý XDCT thẩm định, Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt hoặc Bộ sẽ ủy quyền cho Chủ đầu tư là Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh phê duyệt.

1.2. Hỗ trợ thực hiện mô hình (Phần nông nghiệp):

1.2.1. Các hoạt động hỗ trợ thực hiện mô hình:

1.2.2. Cơ cấu cây trồng và biện pháp kỹ thuật canh tác thực hiện mô hình:

- Cơ cấu cây trồng:

- Biện pháp kỹ thuật canh tác:

+ Biện pháp IPM trên cây rau.

+ Các biện pháp tưới nước trong mô hình.

+ Biện pháp làm vườn ươm cây giống.

+ Biện pháp canh tác.

+ Biện pháp xử lý phế phụ phẩm.

2. Kinh phí, nguồn vốn:

2.1. Tổng kinh phí dự kiến: 1.955.379.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm năm mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi chín ngàn đồng chẵn./.)

Trong đó:

1. Chi phí vật tư nông nghiệp:

1.157.842.040 đồng

- Chi phí Giống:	852.005.400 đồng
- Chi phí phân bón:	146.736.640 đồng
- Chi phí chế phẩm:	30.000.000 đồng
- Chi phí mua sắm thiết bị:	129.100.000 đồng
2. Chi phí khác:	268.000.000 đồng
- In bao bì nhãn mác:	180.000.000 đồng
- Hợp triển khai kế hoạch tập huấn:	20.500.000 đồng
- Hội nghị đầu bờ:	23.500.000 đồng
- Bảng biểu MH:	4.000.000 đồng
- Thùng thu gom chất thải rắn:	40.000.000 đồng
3. Chi phí kiện toàn tổ chức:	300.000.000 đồng
- Kiện toàn tổ chức các HTX:	100.000.000 đồng
- Thành lập các nhóm sản xuất trong HTX:	100.000.000 đồng
- Hỗ trợ kinh phí vận hành mô hình năm I:	100.000.000 đồng
4. Chi phí quản lý:	51.775.261 đồng
5. Chi phí dự phòng cho các hoạt động:	177.761.730 đồng
6. Tổng cộng:	1.955.379.031 đồng
7. Làm tròn:	1.955.379.000 đồng

(Có bảng thống kê kinh phí thực hiện mô hình kèm theo)

2.2. Nguồn vốn: Vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB).

Điều 2: Giao Ban quản lý dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới Kê Gõ -Sông Rác, Hà Tĩnh phối hợp với các đơn vị liên quan, tổ chức triển khai xây dựng mô hình và quản lý các chi phí thực hiện Hợp phần 3 theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và Nhà tài trợ.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Giám đốc Ban QLDA Cải thiện nông nghiệp có tưới Kê Gõ -Sông Rác, Hà Tĩnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban QLTW (CPO) (Báo cáo);
- Lưu: VT, PKH-KT



Lê Hồng Sơn



Phụ lục 1: Tổng hợp dự toán kinh phí Thiết kế xây dựng mô hình CSA chuyên canh rau an toàn tại xã Tượng Sơn - huyện Thạch Hà - tỉnh Hà Tĩnh (phần Nông nghiệp)

Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu

Dự án thành phần: Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh (WB7)

Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7).

(Kèm theo Quyết định phê duyệt số: 55/QĐ-DA-WB7 ngày 13. tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2017		Năm 2018		Cả 2 năm		PPMU	HTX
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
A	CHI PHÍ VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP			643.471.020		514.371.020		1.157.842.040		1.157.842.040
I	Chi phí mua sắm thiết bị		-	129.100.000		0		129.100.000		129.100.000
1	Các dụng cụ cầm tay									
	Máy làm đất lên luống cầm tay	cái	2	88.000.000			2	88.000.000		88.000.000
	Bình phun	cái	10	12.000.000			10	12.000.000		12.000.000
	Sàng	cái	20	1.000.000			20	1.000.000		1.000.000
2	Thiết bị thu hoạch									
	Bộ dao kéo	cái	40	1.200.000			40	1.200.000		1.200.000
	Sọt nhựa lớn	cái	60	3.600.000			60	3.600.000		3.600.000
3	Thiết bị sơ chế, bảo quản, đóng gói									
	Bộ dao kéo chuyên dụng	cái	100	6.000.000			100	6.000.000		6.000.000
	Sọt bé	Cái	60	3.000.000			60	3.000.000		3.000.000
4	Thiết bị xử lý phụ phẩm cây trồng sau thu hoạch									
	Công cụ bấm thân lá rau màu	cái	2	14.300.000			2	14.300.000		14.300.000
II	Chi phí giống			426.002.700		426.002.700		852.005.400		852.005.400
1	Giống bí xanh	kg	10,60	53.000.000	10,60	53.000.000	21,20	106.000.000		106.000.000
2	Giống dưa chuột	kg	4,25	38.250.000	4,25	38.250.000	8,50	76.500.000		76.500.000
3	Giống mướp đắng, mướp hương	kg	17,16	85.800.000	17,16	85.800.000	34,32	171.600.000		171.600.000

4	Giống mỏng toí, rau dền	kg	20,10	2.010.000	20,10	2.010.000	40,20	4.020.000		4.020.000
5	Giống cà chua	kg	0,61	36.840.000	0,61	36.840.000	1,23	73.680.000		73.680.000
6	Giống cà	kg	8,76	70.080.000	8,76	70.080.000	17,52	140.160.000		140.160.000
7	Giống su hào, bắp cải	kg	1,28	70.180.000	1,28	70.180.000	2,55	140.360.000		140.360.000
8	Giống cải	kg	34,65	69.300.000	34,65	69.300.000	69,30	138.600.000		138.600.000
9	Giống rau gia vị	kg	2,01	542.700	2,01	542.700	4,02	1.085.400		1.085.400
III	Chi phí phân bón			73.368.320		73.368.320		146.736.640		146.736.640
1	Urea	kg	2.399	23.988.600	2.399	23.988.600	4.798	47.977.200		47.977.200
2	Lân super	kg	3.411	13.644.720	3.411	13.644.720	6.822	27.289.440		27.289.440
3	Kali Clorua	kg	2.265	33.975.000	2.265	33.975.000	4.530	67.950.000		67.950.000
4	Phân bón lá	gói	352	1.760.000	352	1.760.000	704	3.520.000		3.520.000
IV	Chi phí chế phẩm			15.000.000		15.000.000		30.000.000		30.000.000
	Chế phẩm	lít	150	15.000.000	150	15.000.000	300	30.000.000		30.000.000
B	CHI PHÍ KHÁC			134.000.000		134.000.000		268.000.000		268.000.000
1	In bao bì nhãn mác	cái	30.000	90.000.000	30.000	90.000.000	60.000	180.000.000		180.000.000
2	Hợp triển khai kế hoạch tập huấn	lớp	1	10.250.000	1	10.250.000	2	20.500.000		20.500.000
3	Hội nghị đầu bờ	HN	1	11.750.000	1	11.750.000	2	23.500.000		23.500.000
4	Bảng biểu MH	cái	2	2.000.000	2	2.000.000	4	4.000.000		4.000.000
5	Thùng thu gom chất thải rắn	cái	10	20.000.000	10	20.000.000	20	40.000.000		40.000.000
C	CHI PHÍ KIẾN TOÀN TỔ CHỨC			300.000.000				300.000.000		300.000.000
	Kiến toàn tổ chức các HTX	HTX	1	100.000.000				100.000.000		100.000.000
	Thành lập các nhóm sản xuất trong HTX	HTX	1	100.000.000				100.000.000		100.000.000
	Hỗ trợ kinh phí vận hành mô hình năm I	HTX	1	100.000.000				100.000.000		100.000.000
D	CHI PHÍ QUẢN LÝ (3%)			32.324.131		19.451.131		51.775.261		51.775.261
E	CHI PHÍ DỰ PHÒNG (10%)			110.979.515		66.782.215		177.761.730		5.177.526
E	TỔNG			1.220.774.666		734.604.366		1.955.379.031		56.952.787
E	LÀM TRÒN			1.220.775.000		734.604.000		1.955.379.000		56.953.000
										1.898.426.000

(Bảng chữ: Một tỷ, chín trăm năm mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi chín ngàn đồng chẵn./)